

Bản án số: 574/2023/HSPT

Ngày: 12-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Thanh Nhã

2. Bà Vũ Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 416/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Lê Hải N do có kháng cáo của bị cáo Lê Hải N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HSST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Hải N, sinh năm 1986.

ĐKKHKT và nơi cư trú: Khu X xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt N; con ông Lê Văn Lai (bị cáo khai tại phiên tòa: ông Lê Văn L2) và bà Nguyễn Thị H; có vợ Nguyễn Quỳnh L1 và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000068 lập ngày 04/01/2023 tại Công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

*** Bị hại:** Anh Đào Hải N1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu Y thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ; *vắng mặt tại phiên toà;*

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Cao Văn S, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xóm 5, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; *vắng mặt tại phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua quan hệ xã hội, anh Đào Hải N1 quen biết với Lê Hải N. Đến khoảng tháng 7/2019, Lê Hải N hỏi thuê 01 xe ô tô Daewoo Lacetti, biển kiểm soát: 30A-306.89 mang tên chị Trần Thu T là vợ anh Đào Hải N1 để sử dụng. Ngày 13/7/2019, tại khu vực cổng công viên Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội, Lê Hải N và anh N ký 01 hợp đồng thuê xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89, thời hạn thuê 01 tháng từ ngày 13/7/2019 đến 13/8/2019, giá thuê xe 14.500.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, anh Đào Hải N1 đã giao xe cho Lê Hải N cùng với giấy tờ gồm: 01 đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm xe, bảo hiểm xe (đều là bản chính). Hết thời hạn hợp đồng, Lê Hải N đề nghị tiếp tục thuê xe với giá 10.000.000 đồng/tháng thì anh N đồng ý cho thuê đến tháng 5/2021 nhưng không ký kết hợp đồng. Tiền thuê xe Lê Hải N trả qua tài khoản cho anh N hàng tháng.

Quá trình thuê xe, anh Trần Thế A thấy Lê Hải N thường xuyên sử dụng chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89 nên hỏi mua xe của N. N nói chiếc xe trên N mua của bà chị trên Hà Nội và cho anh Thế A kiểm tra xe cùng giấy tờ. Ngày 27/5/2020, anh Thế A đồng ý mua xe của Lê Hải N với giá 130.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận nếu N tìm được khách mua giá cao hơn thì anh Thế A sẽ cho N chuộc lại xe. Sau khi nhận tiền, N viết giấy bán xe rồi giao xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89 cùng 01 đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm xe, bảo hiểm xe cho anh Trần Thế A. Đến cuối tháng 5/2020, Lê Hải N lại được anh Cao Văn S hỏi mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89. Ngày 01/6/2020, Lê Hải N đến gặp anh Trần Thế A xin trả tiền để nhận lại chiếc xe ô tô trên do tìm được khách mua giá cao hơn. Anh Thế A đồng ý và giao lại xe cho N. Ngày 02/6/2020, N mang chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89 đến bán cho anh S. Khi được hỏi nguồn gốc xe, N nói N mua xe của chị Trần Thu T nhưng bị mất giấy tờ mua bán. Anh S kiểm tra xe và giấy tờ đăng ký rồi đồng ý mua với giá 160.000.000 đồng. Khi nhận tiền, N viết giấy bán xe rồi giao xe cùng 01 đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm xe, bảo hiểm xe cho anh Cao Văn S. Sau đó, Lê Hải N đi làm ở nhiều nơi, không về địa phương và không liên lạc với anh Đào Hải N1 để trả xe. Đến

tháng 5/2021, anh Đào Hải N1 yêu cầu trả lại chiếc xe trên nhưng Lê Hải N nhiều lần trốn tránh nên anh Đào Hải N1 trình báo Cơ quan Công an đề nghị giải quyết. Cơ quan điều tra thu giữ tang vật gồm:

- Thu giữ của anh Đào Hải N1: 01 hợp đồng thuê xe ô tô với Lê Hải N, đề ngày 13/7/2019.

- Thu giữ của anh Cao Văn S: 01 xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm, 03 giấy chứng nhận bảo hiểm xe, 01 giấy bán xe do Lê Hải N viết đề ngày 02/6/2020.

- Thu giữ của anh Trần Thế A: 01 giấy bán xe do Lê Hải N viết đề ngày 27/5/2020.

Quá trình xác minh, Lê Hải N vắng mặt tại nơi cư trú. Ngày 12/12/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Cầu Giấy đã ra Quyết định truy nã đối với Lê Hải N. Ngày 03/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Cầu Giấy đã bắt giữ được Lê Hải N.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Hải N khai nhận hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 25/TCKH-BBĐGHĐ ngày 21/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Cầu Giấy kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti biển kiểm soát: 30A-306.89 trị giá: 167.500.000 đồng.

Tiến hành nhận dạng, kết quả: Anh Đào Hải N1 khẳng định Lê Hải N là người đã thuê xe của ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89 từ ngày 13/7/2019 để sử dụng. Anh Cao Văn S khẳng định Lê Hải N là người đã bán xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89 cho anh S vào ngày 02/6/2020.

Kết luận giám định số 2544/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Số khung, số máy xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89, đăng ký xe mang tên chị Trần Thu T là số khung, số máy nguyên thủy.

Kết luận giám định số 816/KLGD-PC09-D3 ngày 24/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết Lê Hải N trên Hợp đồng thuê xe và chữ ký, chữ viết Lê Hải N trên các mẫu so sánh (Tờ khai đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký kết hôn) là chữ ký, chữ viết do cùng một người ký, viết ra.

Kết luận giám định số 3268/KL-KTHS ngày 24/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết Lê Hải N trên 01 “Giấy bán, cho, tặng xe” đề ngày 27/5/2020, 01 “Giấy bán, cho, tặng xe” đề ngày 02/6/2020 và chữ ký, chữ viết Lê Hải N trên các mẫu so sánh (Tờ khai đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký kết hôn) là chữ ký, chữ viết do cùng một người ký, viết ra.

Đối với việc Lê Hải N bán xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89 cho anh Trần Thế A và anh Cao Văn S: Khi bán xe, Lê Hải N đã xuất trình giấy chứng nhận đăng ký xe bản gốc cho anh Thế A, anh S. Khi anh S hỏi mua xe, N thỏa thuận với anh Thế A để trả lại tiền và nhận lại xe. Khi nhận tiền, N đều giao xe ô tô đúng như cam kết. Do đó, không có căn cứ xác định Lê Hải N có hành vi chiếm đoạt số tiền mua xe ô tô của anh Trần Thế A và anh Cao Văn S.

Đối với anh Cao Văn S và anh Trần Thế A: Do cả hai không biết nguồn gốc xe là do Lê Hải N thuê của anh Đào Hải N1, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với tang vật thu giữ: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả 01 xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm, 03 giấy chứng nhận bảo hiểm xe cho anh Đào Hải N1. Sau khi nhận lại tài sản, anh Đào Hải N1 không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Về dân sự: Anh Cao Văn S đề nghị Lê Hải N hoàn trả số tiền 160.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSCG ngày 14/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội truy tố Lê Hải N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HSST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội:

Tuyên bố bị cáo Lê Hải N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Hải N 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 03/01/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2023, bị cáo Lê Hải N kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lê Hải N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

Về hình thức kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Hải N trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Lê Hải N tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Hải N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Hải N 04 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là phù hợp, tương xứng với nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hậu quả xảy ra và hành vi phạm tội của bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hải N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Hải N trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]Căn cứ vào lời khai của bị cáo Lê Hải N, vật chứng thu được, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 7/2019, thông qua việc ký Hợp đồng thuê xe với anh Đào Hải N1, Lê Hải N đã quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti biển kiểm soát: 30A-306.89 trị giá: 167.500.000 đồng. Quá trình sử dụng, ngày 02/06/2020 Lê Hải N đã bán xe cho anh Cao Văn S và bỏ trốn để trốn tránh việc trả tài sản cho anh Đào Hải N1.

Hành vi của bị cáo Lê Hải N đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại

điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Hải N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Hải N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lê Hải N xuất trình tài liệu thể hiện bác ruột của bị cáo là người có công với cách mạng, hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng Liệt sỹ (có xác nhận của UBND xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ) nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hải N và sửa quyết định của bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]Hội đồng xét xử sửa quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo Lê Hải N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hải N và sửa Quyết định của bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Hải N 04 (*Bốn*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/01/2023.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Hải N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/7/2023.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- TAND quận Cầu Giấy;
- THADS quận Cầu Giấy;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tâm